

Bản án số: 342/2020/HS-PT  
Ngày 19-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tô Chánh Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Khoa  
Ông Lê Hoàng Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***Bị cáo có kháng cáo:***

1/ Võ Thanh H; tên gọi khác: H bác sĩ, sinh năm: 1979; nơi sinh: Hậu Giang; nơi cư trú: Số 124/19B, Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Võ Tài L và bà Lê Thị Hồng T; có 02 con: 01 sinh năm 2006 và 01 sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 01/10/2016. Có mặt.

2/ Huỳnh Thị Kim A, sinh năm: 1991; nơi sinh: Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Số 18/79, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số 124/19, Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc C1; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

***Những người tham gia tố tụng khác:***

*Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh H:* Luật sư Nguyễn Thái Nguyên, Văn phòng luật sư Nguyễn Thái Nguyên- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 1B, Đường Trương Quốc Dung, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thanh H:* Luật sư Lê Thị Ngọc Diễm, Văn phòng luật sư Thanh Liêm- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 580, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, thành Phố Cần Thơ. (vắng mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thanh H:* Luật sư Trần Chấn Hoàng, Công ty luật TNHH Chấn Hoàng & Cộng sự- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 163B1/7, Đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành Phố Cần Thơ. (có mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thị Kim A:* Luật sư Nguyễn Xuân Miên, Văn phòng luật sư Bình Minh- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 54 Đường Trần Việt Châu, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Kim A:* Luật sư Nguyễn Thị Kim Yến, Công ty Luật Khoa và Cộng sự- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Hồng N:* Luật sư Nguyễn Trường H, Công ty luật TNHH MTV Trường H- thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 80, Đường Nguyễn Cư Trinh, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

**- Người bị hại:**

1. Bà Võ Trúc L1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1954. Địa chỉ: 15/BT tổ 1, Khu vực Bình Phó A, phường L2 Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Trần Văn S, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 10 Khu dân cư tổ 6, khu vực 4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

3. Lê Văn S1, sinh năm: 1955. (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thúy H1, sinh năm: 1976. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2/117 đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Ngô Minh C2, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số 160, Đường Lê Lợi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số 20/5, Đường Nguyễn Trãi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

*Đại diện theo ủy quyền của bà N:* Ông Trương Văn H2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 106 Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1961. (có mặt).
2. Ông Võ Duy L2, sinh năm 1985. (có mặt).
3. Ông Võ Phạm Đình L3, sinh năm 1992. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 124/19, Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Huỳnh Trúc N1, sinh năm: 1975. Địa chỉ: 51/51H Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

5. N1hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: Số 8, Đường Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Xuân Sang- Cán bộ Xử lý nợ. (vắng mặt).

6. N1hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 12 đường Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Minh Hiếu (có mặt).

7. Văn phòng công chứng Cửu L2. Địa chỉ: Số 93 Đường Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

8. Văn phòng công chứng Bình Thủy. Địa chỉ: Số 71 Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

9. Văn phòng công chứng 24h. Địa chỉ: Số 383B, Đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Văn phòng công chứng số 2 (vắng mặt).

Công chứng viên Cao Thanh Tùng. Địa chỉ: Số 3 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thanh L2, sinh năm 1995. (vắng mặt).

11. Trần Ngọc A1, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số 112 Đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lâm Thanh T1, sinh năm: 1969. Địa chỉ: 239B/9 Khu vực 4, Hoàng Quốc Việt, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

12. Lê Trần An B1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 11B Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

*Bị cáo tại ngoại:* Lê văn L4, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số 110/88C Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: Số 774, Đường Bùi Hữu Nghĩa, phường L2 Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, Võ Thanh H lợi dụng những mối quan hệ quen biết thông qua việc giao dịch, ký kết các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở với bà Võ Trúc L1, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn S1, ông Ngô Minh C2 và bà Nguyễn Thị Hồng N rồi H dùng nhiều thủ đoạn gian dối làm cho các bị hại tin tưởng để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

***Vụ thứ nhất:***

Tháng 5/2014, thông qua người bạn giới thiệu, bà Võ Trúc L1 đang sinh sống và làm việc tại nước Úc đã quen biết với Võ Thanh H. Thời gian tìm hiểu, H nói cho bà L1 biết H là bác sĩ và kinh doanh trong L3 vực đất đai, cho thuê nhà trọ, có công ty sản xuất nước uống, bà L1 tin tưởng, phát sinh tình cảm và muốn tiến tới hôn nhân với H nên bà L1 hẹn tháng 6/2014 sẽ về Việt Nam để gặp H. Khoảng giữa tháng 5/2014, H nói với bà L1, H đang xây nhà trọ còn thiếu tiền và hỏi mượn tiền bà L1 đến tháng 6/2014 bà L1 về Việt Nam, H trả lại. Bà L1 đồng ý, ngày 13/5/2014 và ngày 16/5/2014 bà L1 gửi về Việt Nam cho H 02 lần, với số tiền 320.000.000 đồng thông qua Công ty kiều hối N1 hàng Sài Gòn thương tín.

Ngày 01/6/2014, bà L1 về Việt Nam, H thuê phòng 101 khách sạn Thanh Kiều, Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để L1 và H ở. H dẫn L1 về giới thiệu gia đình H và đi xem nhà trọ H đang xây dựng. Sau đó, H nói cần tiền hoàn thiện nhà trọ đang xây dựng nên hỏi mượn bà L1 700.000.000 đồng trong thời gian hai đến ba tuần sẽ trả lại bà L1 tất cả các khoản tiền đã mượn. Bà L1 không có tiền mặt nên nói với H chỉ có thẻ tín dụng, H kêu bà L1 sử dụng thẻ tín dụng mua vàng rồi bán lại lấy tiền cho H mượn, bà L1 đồng ý. Ngày 11/6/2014, H kêu Lê văn L4 chở L1 đến Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý SJC Cần Thơ, sau đó H đến dùng thẻ tín dụng của L1 mua 19 lượng vàng nhẫn 99,99% và bán lại hết nhưng Công ty không đủ tiền mua nên H bán trước 01 lượng vàng, với giá 33.350.000 đồng, sau đó ký hợp đồng vay vàng với Công ty SJC để Công ty giúp giữ 18 lượng hôm sau đến lấy tiền. Ngày 12/6/2014, H đến lập biên bản thanh lý hợp đồng và ngày 13/6/2014, H bán 18 lượng vàng, với số tiền 599.940.000 đồng.

Đến hẹn, H không trả tiền cho bà L1, bà L1 đòi tiền thì H hẹn tiếp hai đến ba tuần nữa. H tiếp tục chở bà L1 đến nhà số 1A, Đường Cao Thắng, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cho bà L1 xem nhà và nói đã mua căn nhà trên, với giá 3.500.000.000 đồng, đã trả 2.000.000.000 đồng, còn nợ 1.500.000.000 đồng, H đang thiếu tiền nên người bán đang kiện ra tòa, nếu không có 1.500.000.000 đồng trả, H sẽ mất 2.000.000.000 đồng và kêu bà L1 cho H mượn. Bà L1 tin tưởng H nên trở về nước Úc mượn tiền của người thân và bán tài sản để hoàn lại thẻ tín dụng và gửi tiền về cho H mượn. Do tránh bị đánh thuế cao khi gửi số tiền lớn về Việt Nam, nên bà L1 kêu H đưa địa chỉ của nhiều người để bà L1 gửi tiền về. H đã cung cấp tên và địa chỉ của Lê văn L4 là con của cậu ruột H, em ruột H là Võ Duy L2, Võ Phạm Đình L3 cho bà L1.

Trong các ngày 14, 15 và 16/7/2014, bà L1 nhờ ông Lê Quang Ri chuyển cho H hai lần, số tiền 340.023.000 đồng, Lê Bảo Đại chuyển cho H, 190.000.000 đồng, nhờ bà Huỳnh Thị Thu Hà chuyển cho L4, 190.000.000 đồng, nhờ Lê Bảo Hoàng gửi cho L3, số tiền 190.000.000 đồng, nhờ Võ Phụng L1 gửi cho L2 hai lần, với số tiền 289.601.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L2, L3, L4 đã đưa hết cho H. Ngày 23/7/2014, H tiếp tục nói với bà L1, H sẽ sửa nhà số 1A, Đường Cao Thắng đã mua, sau khi sửa bà L1 và H về đó chung sống, nếu không ở thì bán cho người khác H sẽ trả lại tiền đã nợ L1, nhưng H không có tiền sửa nhà nên hỏi mượn tiền của bà L1 từ thẻ tín dụng, bà L1 đồng ý. Ngày 23/7/2014, H nhờ L4 chở L1 đến Công ty cổ phần vàng bạc đá quý SJC Cần Thơ để bà L1 mua 15 lượng vàng nhẫn 99,99% và bán lại, được số tiền 511.500.000 đồng, bà L1 đưa L4 mang về đưa cho H. Ngày 25/7/2014, L4 chở bà L1 đến Công ty SJC mua 06 lượng vàng nhẫn 99,99% và L4 bán ra được số tiền 203.580.000 đồng, L4 mang tiền về đưa cho H. Sau khi đưa tiền cho H mượn tổng cộng là 2.867.966.000 đồng nhưng H không trả như đã hứa, bà L1 đòi tiền thì H nói không có mượn tiền của bà L1, số tiền L1 gửi về cho H nhận là để chi phí cho bà L1 trong thời gian ở Việt Nam, đồng thời hướng dẫn L4, L2, L3 khai báo với cơ quan điều tra là tiền của bà L1 gửi cho L4, L2, L3 nên đã sử dụng hết, không đưa cho H, còn L4 khai thêm tiền mua bán vàng SJC là do bà L1 nhờ L4 mua và bán, sau khi bán xong đã đưa tiền cho bà L1, chứ không đưa cho H nhằm che giấu hành vi phạm tội của H. L4 nghe lời H khai không đúng sự thật làm cho vụ việc phải tạm dừng, đến khi H bị bắt L4 mới cho lời khai đúng, xử lý hành vi phạm tội của H theo quy định pháp luật.

Như vậy, Võ Thanh H đã chiếm đoạt của bà Võ Trúc L1, số tiền 2.867.966.000 đồng.

#### ***Vụ thứ hai:***

Bà Nguyễn Thị B đăng bán căn nhà và đất tại địa chỉ 49/1, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Ngày 11/5/2015, Võ Thanh H đến gặp bà B thỏa thuận mua nhà và đất trên, với giá 1.600.000.000 đồng, trả trước 420.000.000 đồng, còn lại là 1.180.000.000 đồng, H hẹn thanh toán sau 02 tháng, sau khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Sau khi thỏa thuận với bà B, H nhờ Huỳnh Trúc N1 (*là người chung sống như vợ chồng với H và có hai người con chung*) đứng tên mua nhà và đất của bà B để xây dựng khách sạn cho N1 để kinh doanh lấy thu nhập nuôi con, bà N1 đồng ý. Ngày 12/5/2015, H yêu cầu bà B mang bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng H đến Văn phòng công chứng Cửu L2 ký hợp đồng đặt cọc để H đưa bà B 420.000.000 đồng. Đến phòng Công chứng, bà B đưa cho H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H không lập hợp đồng đặt cọc mà yêu cầu nhân viên văn phòng công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và văn bản thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán tiền của Huỳnh Trúc N1 đối với bà B, đưa cho bà B ký tên, đồng thời H yêu cầu nhân viên Văn phòng công chứng

Cửu L2 mang hợp đồng đến nơi ở của bà N1, tại số 2/31, Đường Lý Tự Trọng để bà N1 ký vì bà N1 vừa sinh con, phải chăm sóc con nhỏ. Tin tưởng lời H nói nên bà B ký tên vào các văn bản do H đưa, sau đó H đưa cho bà B một bản văn bản thỏa thuận và giữ lại hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời kêu bà B về làm giấy chứng nhận tình trạng độc thân để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, H đưa cho bà B, 420.000.000 đồng. Ngày 14/5/2015, bà B đưa H giấy chứng nhận tình trạng độc thân của bà B và đòi lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng H không đưa và nói để làm thủ tục chuyển nhượng nên bà B yêu cầu H viết biên nhận. Ngày 02/7/2015, H thuyết phục bà B giao nhà cho H, vì H cần khởi công xây dựng để chụp hình gửi cho người thân bên Mỹ để gửi tiền về cho H mới có tiền trả cho bà B, nên bà B đồng ý.

Còn H đã nhanh chóng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên Huỳnh Trúc N1 vào ngày 18/5/2015. Đến ngày 28/5/2015, H kêu N1 thế chấp nhà và đất trên để vay 900.000.000 đồng tại N1 hàng thương mại cổ phần Quốc Dân - chi nhánh Cần Thơ. Để có tiền nhiều hơn, H lập bản thiết kế để xây dựng nhà một trệt ba lầu trên phần đất của bà B và phần diện tích đất kề bên để vay N1 hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ. Để có tiền giải chấp khoản vay tại N1 hàng Quốc Dân, ngày 27/7/2015, H vay của bà Trần Thị Ngọc Diệp, 1.300.000.000 đồng bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà B, trong thời gian một tháng, với lãi suất 5%/ tháng. Ngày 05/8/2015, H thế chấp tài sản của bà B và tài sản của ông Lê Văn S1, vay 3.000.000.000 đồng. Ngày 07 và ngày 12/8/2015, N1 hàng giải N1 cho N1, N1 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng thương mại dịch vụ H Phát cho H. Sau khi vay được tiền H không trả cho bà B. Bà B đòi nhiều lần, H trả nhiều đợt đến tháng 6/2016 tổng cộng được 372.000.000 đồng thì không trả tiếp và phủ nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà B cho rằng đây là giao dịch giữa N1 với bà B để chiếm đoạt số tiền 808.000.000 đồng.

#### ***Vụ thứ ba:***

Ông Lê Văn S1 và vợ là bà Nguyễn Thúy H1 có nhà và đất, tại số 49/3, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cạnh nhà bà Nguyễn Thị B. Biết H mua nhà và đất của bà B, nên đầu tháng 6/2015, bà H gặp hỏi H còn mua nhà và đất nữa không bà H bán nhà và đất trên. H xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó thương lượng với ông S và bà H đồng ý mua, với giá 500.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận với vợ chồng ông S, H tiếp tục nói với bà N1 là H mua thêm phần diện tích đất của ông S để làm nơi để xe cho khách đến nghỉ tại khách sạn và nhờ bà N1 đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng với ông S và bà H, bà N1 đồng ý. Ngày 09/6/2015, H cùng ông S và bà H đến Văn phòng Công chứng Cửu L2 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận N1 sẽ trả trước 200.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng 45 ngày sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ thanh toán đầy đủ. Tại đây, H đưa ông S và bà H 200.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2015, H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Huỳnh Xuân Hồng để vay 300.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Đồng thời, nhanh chóng chuyển quyền sử dụng và mục đích sử dụng diện tích đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị sang tên bà N1. Ngày 10/7/2015, N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông S và bà H. Ngày 14/7/2015, H thỏa thuận vay của ông Thái Hồng Sanh 500.000.000 đồng bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm hợp đồng vay trong thời hạn một tuần lãi suất 4%/tháng nên hủy hợp đồng với bà Hồng. Ngày 05/8/2015, H lập thủ tục và kêu N1 ký thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất mua của của ông S và của bà B để vay N1 hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Cần Thơ, 3.000.000.000 đồng.

Đối với ông S và bà H, khi đến thời hạn 45 ngày, đã bàn giao nhà và đất cho H nhưng H không giao tiền theo thỏa thuận nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều. Mặc dù, H đã chuyển quyền sử dụng đất trên sang tên bà N1 và đi vay tiền nhiều nơi nhưng không trả tiền cho ông S mà cho rằng đất ông S có tranh chấp với ông Nguyễn Đức Cẩm nên chỉ trả thêm 100.000.000 đồng. Yêu cầu giải quyết phần tranh chấp lỗi đi xong thì H mới giao tiền đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi ông Cẩm không còn tranh chấp về lỗi đi với ông S, H đến gặp ông S xin được trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, nhưng sau đó H không trả tiền cho ông S và cho rằng nghĩa vụ thuộc về bà N1 để chiếm đoạt 200.000.000 đồng.

#### ***Vụ thứ tư:***

Khoảng cuối tháng 8/2015, ông Nguyễn Công Bình biết em ruột của mình là bà Nguyễn Thị Hồng N cần bán nhà và đất tại số 243/36B, Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên giới thiệu Võ Thanh H đến mua nhà của bà N. H đã L1 hệ và thỏa thuận với vợ chồng bà N đồng ý bán căn nhà nêu trên cho H, với số tiền là 1.500.000.000 đồng, thủ tục chuyển quyền H thực hiện. Do bà N đã thế chấp nhà đất trên để vay tiền tại N1 hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Eximbank, nên H trả trước số tiền 700.000.000 đồng để bà N giải chấp, số tiền còn lại 800.000.000 đồng khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất H sẽ thanh toán đầy đủ.

Hải kêu bà N đưa bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ tùy thân của bà N, do thấy quyền sử dụng đất trên là bà N được tặng cho riêng nên H biết thủ tục chuyển nhượng không cần có sự đồng ý của chồng bà N, H đến Văn phòng Công chứng Cửu L2 yêu cầu soạn sẵn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến chiều ngày 04/9/2015, H điện thoại kêu bà N đến Văn phòng Công chứng Cửu L2 ký hợp đồng đặt cọc nhưng thực tế là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N và mẹ của H là Lê Thị Hồng T, tin tưởng lời H nói bà N không xem nội dung hợp đồng đã ký tên theo yêu cầu của H. Để có 700.000.000 đồng đưa cho bà N, H vay của bà Nhiêu Thị Yến Vân 1.200.000.000 đồng, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của bà N sau khi giải chấp. H hẹn bà N ngày 05/9/2015 đến N1hàng Eximbank H đưa 700.000.000 đồng để làm thủ tục giải chấp.

Theo thỏa thuận sáng ngày 05/9/2015 bà N đến N1hàng, bà N gặp H cùng bà Vân, bà Vân đưa H 1.140.000.000 đồng là tiền H vay bà sau khi trừ một tháng lãi suất, H đưa cho bà N 700.000.000 đồng để làm thủ tục giải chấp. Sau khi giải chấp H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà H đưa cho bà Vân giữ và hẹn bà N ngày 07/9/2015 H sẽ điện thoại vợ chồng bà đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời đưa số tiền còn lại là 800.000.000 đồng.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đã cùng bà Nhiều Thị Yến Vân đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ninh Kiều xóa đăng ký thế chấp và làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho Lê Thị Hồng T. Ngày 09/9/2015, H nhờ Nguyễn Tôn Chí Linh làm giả hợp đồng thuê nhà trên, với giá 20.000.000 đồng/tháng để ngày 21/9/2015, H lập thủ tục và kêu bà T ký tên thế chấp tại N1hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Cần Thơ, vay 2.000.000.000 đồng.

Còn vợ chồng bà N không thấy H gọi điện ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng để đưa số tiền mua nhà còn lại nên gọi điện thoại cho H nhiều lần để hỏi thúc thì H đưa nhiều lý do để hẹn lại và nói với bà N chồng bà chưa ký lo gì mà sợ mất nhà đất trên. Nghi ngờ H không trung thực, bà N tìm hiểu thì biết H đã chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà của bà sang cho mẹ H là Lê Thị Hồng T và đã thế chấp N1hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Cần Thơ, vay 2.000.000.000 đồng.

Bà N tiếp tục đi tìm H để đòi tiền bán nhà, đến ngày 07/10/2015 H trả 300.000.000 đồng, số tiền còn lại H đã viết cam kết trong 10 ngày làm việc H trả đủ cho bà N, nhưng H không trả mà tiếp tục hứa hẹn nhiều lần, sau đó trả thêm được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 450.000.000 đồng H không trả và cho rằng H không thỏa thuận mua bán với bà N, tất cả các giao dịch là do bà N ký kết với bà T và hướng dẫn bà T cho lời khai bà T là người đứng ra giao dịch với bà N, đã trả xong tiền mua nhà cho bà N. Ngày 19/8/2015, H kêu Huỳnh Thị Kim A gặp bà T nhận 20.000.000 đồng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Cần Thơ nộp khắc phục hậu quả cho bà N. Như vậy, H đã chiếm đoạt của bà N, số tiền 430.000.000 đồng.

#### ***Vụ thứ năm:***

Ngày 27/01/2016, H nhờ em dâu là Huỳnh Thị Kim A đứng tên tham gia đấu giá để mua giùm H nhà và đất số 388Z13/14B, Đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm nhà một trệt, một lầu, trên diện tích đất (10x10)m<sup>2</sup>, với giá 673.000.000 đồng. Sau khi mua được tài sản đấu giá, H nói với người quen là ông Võ Văn Tùng, H trúng đấu giá nhưng không có tiền mua sợ mất số tiền 5% đặt trước để được tham gia đấu giá nên bán rẻ lại, nhờ ông Tùng nếu biết có ai mua giới thiệu để H bán, với giá



750.000.000 đồng, ông Tùng nói với ông Nguyễn Ngọc Đức, ông Đức giới thiệu cho ông Ngô Minh C2 mua nhà và đất trên. Sau khi được H dẫn đi xem nhà và đất, ông C2 thỏa thuận và đồng ý mua, với giá 700.000.000 đồng. Ngày 24/3/2016, H kêu Kim A đến Văn phòng công chứng 24h ký hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trong hợp đồng ghi rõ Kim A có nghĩa vụ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà cho ông C2 ngay sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Để tạo lòng tin với ông C2, Kim A ký thêm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với ông C2 bảo lưu tại Văn phòng công chứng, mục đích để sau khi Kim A chuyển quyền sử dụng đất sang tên Kim A chỉ cần đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2 để điền thông tin vào hợp đồng hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu nhà và sử dụng đất sang tên ông C2. Ngày 25/3/2016, H kêu Kim A đến quán giải khát Vườn Xanh thuộc phường Cái Khế, quận Ninh Kiều gặp H, ông C2 và ông Tùng, H đưa giấy kêu Kim A viết biên nhận đã nhận của ông C2 đủ số tiền mua nhà đất là 700.000.000 đồng rồi cùng H, ông Tùng và ông C2 đến Chi cục Thi hành án quận Ninh Kiều nộp tiền mua tài sản, lấy biên lai thu tiền của Chi cục đưa cho H làm thủ tục chuyển tên Kim A. Ngày 05/4/2016, khi nhận được nhà từ Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều bàn giao, Kim A đã giao nhà cho ông C2. Ngày 17/6/2016, khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mình đứng tên, Kim A đưa cho H. H không đưa cho ông C2 để hoàn tất Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà thuê dịch vụ giới thiệu chuyển nhượng cho ông Bùi Đức Nam và ông Bùi Trung Kiên, với giá 400.000.000 đồng, đồng thời kêu Kim A đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nam, ông Kiên vào ngày 23/6/2016. Sau đó, ông Kiên và ông Nam yêu cầu hủy hợp đồng nên ngày 27/6/2016, H tiếp tục thuê Võ Thanh Phong giới thiệu để vay 600.000.000 đồng, Phong thông qua ông Bùi Tuấn Kiệt để giới thiệu H với ông Trần Ngọc A1. Ông Ân đồng ý cho vay trong thời hạn 03 tháng lãi suất 5%/tháng. H kêu Kim A đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L1 hủy hợp đồng vay với ông Nam, ông Kiên và ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Trần Ngọc A1 để vay 600.000.000 đồng. Kim A trả lãi trước cho ông Ân 30.000.000 đồng, trả tiền dịch vụ cho ông Phong và ông Kiệt 12.000.000 đồng, trả cho ông Nam 400.000.000 đồng, số còn lại mang về đưa hết cho H.

Riêng ông C2 không thấy Kim A đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đầu tháng 7/2016 điện thoại cho Kim A hỏi, lúc này dù biết tài sản đã thế chấp để vay tiền của ông Ân nhưng Kim A nói với ông C2 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa làm xong để ông C2 không đòi nữa. Sau khi vay tiền của ông Ân, H không đóng tiền lãi đầy đủ nên ngày 20/10/2016, ông Ân chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng sang tên mình. Sau khi biết H bị bắt, ông Ân cho H hoặc Kim A thời hạn đến tháng 5/2017, có tiền trả cho ông Ân thì ông Ân sẽ chuyển nhượng lại nhà và đất cho Kim A để giao cho ông C2, còn ông C2 đồng ý nhận nhà và đất hoặc 700.000.000 đồng đã đưa cho Kim A nhưng H và Kim

A không có tiền để đưa cho ông C2 và ông Ân. Ngày 18/11/2016, chồng của Kim A là Võ Duy L2 khắc phục cho ông C2 50.000.000 đồng.

Ngày 01/10/2016, H bị bắt. Cơ quan chức năng thu giữ: 7.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; 01 hiệu Nokia 230; 01 xe mô tô biển số 65B1-123.39; 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ visa, 02 giấy đăng ký xe máy tên Võ Thanh H, 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 dấu tròn Công ty N1Uyên.

Ngày 12/12/2016, Nguyễn Duy L2 giao nộp 300.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2017, ông Châu Thanh Nhân nộp 1.200.000.000 đồng tiền ông Nhân vay của H.

Ngày 19/8/2016, H kêu Huỳnh Kim A giao nộp 20.000.000 đồng để khắc phục tiền đã chiếm đoạt của bà N. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà N.

Ngày 24/8/2017, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng số tiền 1.200.000.000 đồng trả lại cho bà Võ Trúc L1 698.400.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị B 194.400.000 đồng trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N, 103.200.000 đồng, ông Lê Văn S1 và bà Nguyễn Thúy H1 48.000.000 đồng, ông Ngô Minh C2 156.000.000 đồng.

Đối với Huỳnh Trúc N1 đứng tên ký kết các hợp đồng giùm cho H, không biết việc H gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Và hành vi của Lê Thị Hồng T, Võ Duy L2, Võ Phạm Đình L3 là mẹ và em ruột Võ Thanh H chưa đủ yếu tố cấu thành tội Che giấu tội phạm nên cơ quan điều tra không khởi tố là phù hợp.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:*

*Tuyên bố:* Các bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Lê văn L4 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt:* Bị cáo Võ Thanh H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-10-2016.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, l, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, l, i, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt:* Bị cáo Huỳnh Thị Kim A 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về bị cáo Lê văn L4, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 02 bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A kháng cáo. Bị cáo Võ Thanh H kháng cáo xin giảm hình phạt. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay, bị cáo Võ Thanh H cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như án sơ thẩm xử, bị cáo kêu oan.

Đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim A theo đơn thì bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo, theo đơn kháng cáo bổ sung, cũng như tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/02/2018, bà Nguyễn Thị Hồng N (một trong 06 bị hại trong vụ án) kháng cáo yêu cầu được thỏa thuận với N1 hàng chuộc lại nhà hoặc yêu cầu được phát mãi nhà ưu tiên trả lại cho bà 326.500.000đ mà bị cáo H mua nhà còn thiếu (thời gian nghỉ Tết từ 15/02 đến 20/02/2018 nên kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị Hồng N cho rằng gia đình bị cáo bồi thường cho bà xong 326.500.000đ, nên bà rút lại kháng cáo, không kháng cáo nữa.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng bà Nguyễn Thị Hồng N (người bị hại trong vụ án) rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N, phần án sơ thẩm xét xử có L1 quan đến kháng cáo của bà N đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Thanh H và bị cáo Huỳnh Thị Kim A, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của 02 bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm xử phạt đối với 02 bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh H cho rằng khoản tiền tính theo án sơ thẩm quy kết bị cáo H chiếm đoạt của bà Võ Trúc L1 (định cư tại Úc). Bị cáo thừa nhận có nhận hơn 800.000.000đ, số còn lại thì bà L1 gửi qua nhiều người nhận, bị cáo H không thừa nhận có nhận (chưa điều tra làm rõ) các việc mua bán nhà còn lại bị cáo cũng không có ý thức chiếm đoạt, nên người bào chữa đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Kim A cho rằng bị cáo Anh đứng tên mua nhà thay cho bị cáo H, bán nhà lại cho ông Ngô Minh C2, bán lại cho ông Trần Ngọc A1 là theo chỉ đạo của bị cáo H, bị cáo không có hưởng lợi, nên người bào chữa đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Huỳnh Thị Kim A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Tại Tòa bà Nguyễn Thị Hồng N (một trong số 06 người bị hại) có kháng cáo. Tại Tòa bà N rút lại kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N, phần án sơ thẩm xét xử có L1 quan đến kháng cáo của bà N đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với kháng cáo của 02 bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A, kháng cáo làm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung của vụ án thì thấy:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo bị cáo Võ Thanh H thực hiện các hành vi phạm tội như.

Do không có tiền để kinh doanh nhà trọ và kinh doanh bất động sản, bị cáo Võ Thanh H đã vay mượn tiền của nhiều người rồi không trả, chiếm đoạt cụ thể như sau:

Mượn tiền của bà Võ Trúc L1 (Việt kiều Úc) và cam kết sẽ trả nhưng không trả, thông qua Lê Tấn L4(em bà con cô cậu với H) nhận tiền của bà L1 đến 2.867.966.000đ rồi cho rằng không có nhận hoặc nhận ít hơn rồi không trả.

Mua căn nhà số 49/1 Mậu Thân, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ của bà Nguyễn Thị B giá 1.600.000.000đ, để cho Huỳnh Trúc N1 (người sống chung với H như vợ chồng đứng tên) H trả được 420.000.000đ, còn lại 1.180.000.000đ, khi chuyển tên qua N1, H làm thủ tục vay nợ 900.000.000đ tại N1hàng TMCP Quốc Dân – chi nhánh Cần Thơ sau đó thế chấp vay tiền tại N1hàng TMCP Đầu tư – Phát triển Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ, sau đó ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà Trần Thị Ngọc Diệp giá 1.300.000.000đ, rồi đem tài sản này thế chấp cho N1hàng để vay 3.000.000.000đ. Khi vay được tiền H trả tiếp cho bà B nhiều lần được 372.000.000đ, số còn lại 808.000.000đ không trả; mua nhà số 49/3 Mậu Thân, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ của ông Lê Văn S1, bà Nguyễn Thúy H1 giá 500.000.000đ, nhờ Huỳnh Trúc N1 đứng tên, trả được 200.000.000đ còn lại 300.000.000đ H đem tài sản này thế chấp cho N1hàng TMCP Đầu tư – Phát triển Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ để vay 3.000.000.000đ qua nhiều lần ông S bà H đòi nợ H trả được 100.000.000đ, số còn lại 200.000.000đ không trả; mua căn nhà số 243/36B, Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ của bà Nguyễn Thị Hồng N với giá 1.500.000.000đ để cho bà Lê Thị Hồng T là mẹ của H đứng tên. Để có tiền trả cho bà N H vay của bà Nhiều Thị Yến Vân 1.140.000.000 đồng, trả cho bà N được 700.000.000đ, còn nợ lại 800.000.000đ, H đem tài sản này thế chấp cho N1hàng TMCP Đầu tư – Phát triển Việt Nam vay 2.000.000.000đ, bà N nhiều lần đòi nợ H trả được 350.000.000đ, sau khi khởi tố vụ án trả thêm 103.200.000đ, còn lại 326.800.000đ không trả, H nhờ Huỳnh Thị Kim A (em dâu) tham gia mua đấu giá căn nhà số 388Z13/14B, Đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giá 673.000.000 đồng. Sau khi trúng đấu giá H thông qua ông Nguyễn Ngọc Đức giới thiệu lại cho ông Ngô Minh C2 với giá 700.000.000đ, ngày 24/3/2016 H kêu Huỳnh Thị Kim A đến Văn phòng công chứng 24<sup>h</sup> ký hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trong hợp đồng ghi - Huỳnh Thị Kim A có trách nhiệm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho ông Ngô Minh C2 sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà (được bảo lưu tại phòng công chứng). Ngày 25/3/2016, H kêu Kim A viết biên nhận đã nhận đủ tiền của ông C2 700.000.000đ, theo thỏa thuận khi lấy biên lai thu tiền bán hóa giá nhà của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thì Kim A giao nhà cho ông C2, ngày 17/6/2016 khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Kim A, H không đưa cho ông C2 mà đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

nêu trên cho ông Nguyễn Đức Nam, ông Bùi Trung Kiên giá 400.000.000đ, sau đó ông Nam, ông Kiên yêu cầu hủy hợp đồng, thông qua Võ Thanh Phong giới thiệu, H kê Kim A ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Trần Ngọc A1 để nhận của ông Ân 600.000.000đ, trừ tiền dịch vụ cho ông Phong, ông Kiên 12.000.000đ, trả cho ông Nam 400.000.000đ, số còn lại Kim A đưa lại cho H (hiện nay ông Ân đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà), không có giao nhà cho ông C2, nên ông C2 yêu cầu xử lý các bị cáo. Ngày 18/11/2016, ông Võ Duy L2 (chồng bị cáo Kim A) có nộp 50.000.000đ trả cho ông C2 thay cho Kim A, ngày 19/8/2016, H kê Kim A nộp 20.000.000đ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N. Cơ quan điều tra có thu của ông Châu Thanh Nhân nộp trả thay cho ông H 1.200.000.000đ, được trả lại cho các bị hại, còn lại 307.300.000đ và một số tang vật khác được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Võ Thanh H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 06 người bị hại bằng 5.005.966.000đ, bị cáo trả được 1.200.000.000đ, số còn lại 3.805.566.000đ không trả, nên áp dụng khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và xử phạt bị cáo 20 năm tù.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo kháng kháng kêu oan, nhưng với chứng cứ như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không oan, nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo H. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án cấp phúc thẩm hôm nay gia đình bị cáo chứng minh được là sau khi án sơ thẩm xử thì gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị B 613.000.000đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thúy H1 152.000.000đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng N 326.800.000đ. Tổng cộng 1.091.800.000đ cộng với 307.300.000đ cơ quan Thi hành án còn tạm giữ chưa được khấu trừ cho bị cáo, nếu cộng lại thì bằng 1.399.100.000đ được khấu trừ cho bị cáo thì số còn lại bị cáo phải bồi thường là 2.713.266.000đ, nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo H.

Đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim A, bị cáo Kim A được H nhờ đứng tên mua nhà do cơ quan Thi hành án bán hóa giá, sau khi mua nhà theo sự chỉ đạo của H – đem nhà đất nêu trên bán cho ông Ngô Minh C2 giá 700.000.000đ (bán lúc chưa hoàn thành hồ sơ nhà), sau khi hoàn thành hồ sơ nhà đem bán cho ông Trần Ngọc A1 để nhận của ông Ân 600.000.000đ để rồi không có nhà giao cho ông Ngô Minh C2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có hành vi giúp sức cho bị cáo H nhằm chiếm đoạt tiền của ông C2, xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm là đúng.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bắt bị cáo H có thu giữ số tiền 307.300.000đ (hiện nay Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ còn quản lý) số tiền này chưa được khấu trừ cho bị cáo, khi xét giảm hình phạt cho bị cáo H thì bị cáo Kim A cũng được xét giảm 01 phần hình phạt.

Người bào chữa cho 02 bị cáo H và Kim A đề nghị không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

*Bởi các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N (vì bà N rút kháng cáo).

Phản án sơ thẩm xét xử có L1 quan đến kháng cáo của bà N đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của 02 bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A (Giảm một phần hình phạt cho 02 bị cáo).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt bị cáo bị cáo Võ Thanh H 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam số 297/2020/HSPT-QĐTG ngày 19/6/2020 của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, l, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, l, i, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim A 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về phân trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sau khi án sơ thẩm xử, bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại như:

Bà Nguyễn Thị B số tiền 613.600.000đ.

Ông Lê Văn S1 và bà Nguyễn Thúy H1 số tiền 152.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 326.800.000đ.

Buộc bị cáo Võ Thanh H phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bà Võ Trúc L1 là 2.169.266.000đ.

Buộc bị cáo Võ Thanh H và bị cáo Huỳnh Thị Kim A phải L1 đới bồi thường cho ông Ngô Minh C2 số tiền còn lại là 544.000.000đ.

Số tiền 307.300.000đ hiện nay Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ tạm giữ theo biên bản giao nhận tang vật ngày 30/11/2017 được hoàn trả lại cho bà Võ Trúc L1 và ông Ngô Minh C2 theo tỷ lệ người được bồi thường nhiều

nhận nhiều, người được bồi thường ít nhận ít, được khấu trừ lại cho bị cáo H trong số tiền mà bị cáo H có trách nhiệm bồi thường như trên.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: 02 bị cáo Võ Thanh H và Huỳnh Thị Kim A không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2020./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ (02 bản, kính nhờ TTG tổng đạt cho bị cáo 01 bản);
- Bị cáo Huỳnh Thị Kim A;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án ( ĐTT-34).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Chánh Trung**







